

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 11 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	814	848	34	12.870	437.580	
102	8	839	857	18	12.870	231.660	
103	7	580	604	24	12.870	308.880	
104	8	544	566	22	12.870	283.140	
105	8	504	519	15	12.870	193.050	
106	8	499	501	2	12.870	25.740	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	685	720	35	12.870	450.450	
110	8	328	341	13	12.870	167.310	
111	8	524	524	0	12.870	0	
112	8	784	799	15	12.870	193.050	
113	5	587	607	20	12.870	257.400	
114	8	552	579	27	12.870	347.490	
201	8	701	720	19	12.870	244.530	
202	8	519	536	17	12.870	218.790	
203	8	1243	1267	24	12.870	308.880	
204	8	698	727	29	12.870	373.230	
205	8	914	920	6	12.870	77.220	
206	8	777	801	24	12.870	308.880	
207	7	1154	1169	15	12.870	193.050	
208	8	878	899	21	12.870	270.270	
209	8	1039	1070	31	12.870	398.970	
210	8	1049	1069	20	12.870	257.400	
211	8	1317	1336	19	12.870	244.530	
212	8	798	825	27	12.870	347.490	
213	8	874	890	16	12.870	205.920	
214	8	873	895	22	12.870	283.140	
301	7	814	829	15	12.870	193.050	
302	8	843	871	28	12.870	360.360	
303	8	992	1019	27	12.870	347.490	
304	8	723	749	26	12.870	334.620	
305	8	708	739	31	12.870	398.970	
306	8	891	917	26	12.870	334.620	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	737	757	20	12.870	257.400	
310	8	757	772	15	12.870	193.050	

311	8	699	700	1	12.870	12.870
312	8	685	703	18	12.870	231.660
313	8	701	719	18	12.870	231.660
314	8	835	852	17	12.870	218.790
401	8	797	812	15	12.870	193.050
402	8	728	742	14	12.870	180.180
403	8	869	879	10	12.870	128.700
404	8	681	702	21	12.870	270.270
405	8	456			12.870	0
406	8	557	574	17	12.870	218.790
407	8	645	657	12	12.870	154.440
408	8	694	705	11	12.870	141.570
409	8	444	457	13	12.870	167.310
410	8	538	563	25	12.870	321.750
411	8	497	527	30	12.870	386.100
412	8	460	470	10	12.870	128.700
413	7	632	655	23	12.870	296.010
414	8	412	427	15	12.870	193.050
501	8	562	577	15	12.870	193.050
502	8	400	420	20	12.870	257.400
503	8	390	401	11	12.870	141.570
504	8	429	431	2	12.870	25.740
505	8	446	455	9	12.870	115.830
506	8	452	455	3	12.870	38.610
507	7	302	316	14	12.870	180.180
508	8	270	290	20	12.870	257.400
509	8	495	513	18	12.870	231.660
510	8	280	289	9	12.870	115.830
511	6	305	328	23	12.870	296.010
512	8	383	392	9	12.870	115.830
513	8	307	319	12	12.870	154.440
514	7	457	467	10	12.870	128.700
Cộng	517			1.148		14.774.760

(Bảng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà